

**KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC TÂY NAM BỘ NĂM 2022**

(Đính kèm Quyết định số 1066/QĐ-NHNN ngày 9 / 12/2022 của Ngân hàng Nhà nước)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NHNN CHI NHÁNH TỈNH AN GIANG (02 Chỉ tiêu)										
1	NV1074	Tô Châu Hoàng Uyên		21-09-1998	An Giang			76	76	Trúng tuyển
2	NV1060	Khuru Minh Anh		13-04-1997	An Giang			73	73	Trúng tuyển
3	NV1071	Nguyễn Thị Mỹ Trang		01-01-1989	An Giang			70	70	
4	NV1077	Tổng Lâm Vy		26-05-1992	An Giang	Ths	5	64	69	
5	NV1073	Nguyễn Thanh Tuấn	08-04-1990		An Giang		2.5	64	66.5	
6	NV1068	Ngô Thị Anh Thư		07-01-1990	An Giang			62	62	
7	NV1063	Nguyễn Ngọc Nhi		24-11-2000	An Giang			60	60	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH BẠC LIÊU (03 Chỉ tiêu)										
1	NV1087	Trương Lê Kim Ngọc		16-06-1986	Bạc Liêu			75	75	Trúng tuyển
2	NV1081	Khuru Khôi	27-11-1993		Bạc Liêu			73	73	Trúng tuyển
3	NV1082	Trần Thị Thùy Linh		25-02-1993	Bạc Liêu			71	71	Trúng tuyển
4	NV1088	Nguyễn Dương Phụng Nhi		03-05-1996	Bạc Liêu			69	69	
5	NV1083	Trần Phi Long	19-08-1998		Bạc Liêu			67	67	
6	NV1084	Bành Thị Tuyết Mai		09-07-1989	Bạc Liêu			66	66	
7	NV1091	Võ Phương Thi		27-08-1998	Bạc Liêu			65	65	
8	NV1098	Nguyễn Thị Hồng Vui		09-11-1994	Bạc Liêu			63	63	
9	NV1094	Nguyễn Anh Thư		18-10-1997	Bạc Liêu			61	61	
10	NV1097	Dương Thị Mộng Tuyền		30-11-1983	Bạc Liêu	Ths		58	58	
11	NV1095	Phạm Anh Thư		03-10-1998	Bạc Liêu			55	55	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH BẾN TRE (04 Chỉ tiêu)										
1	NV1123	Nguyễn Thị Hồng Quế		25-10-1995	Bến Tre			76	76	Trúng tuyển
2	NV1103	Trần Thị Hoàng Diệu		13-08-1990	Bến Tre			75	75	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
3	NV1133	Bùi Giang	Yên		03-02-1994	Bến Tre	Ths		73	73	Trúng tuyển
4	NV1130	Nguyễn Xuân	Trường	06-10-1995		Bến Tre			72	72	Trúng tuyển
5	NV1127	Nguyễn Thị Kim	Tho		15-05-1989	Bến Tre	Ths		70	70	
6	NV1109	Trần Văn	Khánh		10-01-2000	Bến Tre			68	68	
7	NV1131	Trương Thị Phương	Tuyền		17-05-1995	Bến Tre			67	67	
8	NV1104	Trần Minh	Duy	19-07-1991		Bến Tre			66	66	
9	NV1113	Phan Thị Phương	Ngọc		12-01-1997	Bến Tre			66	66	
10	NV1107	Đinh Ngọc	Hân		01-03-1999	Bến Tre			65	65	
11	NV1115	Trần Thị Thanh	Nhân		06-09-1992	Bến Tre			65	65	
12	NV1125	Lê Thị Thịnh	Quyên		30-06-1994	Bến Tre			63	63	
13	NV1099	Lê Đình	Bảo	17-12-1993		Bến Tre			62	62	
14	NV1128	Lê Ngọc Phương	Trang		19-10-1993	Bến Tre			62	62	
15	NV1111	Ngô Thế	Lữ	01-06-1993		Bến Tre	Ths		61	61	
16	NV1116	Ngô Hào	Nguyễn		28-03-1999	Bến Tre			61	61	
17	NV1118	Phạm Huỳnh Yến	Nhi		02-03-1990	Bến Tre			60	60	
18	NV1120	Ngô Kim	Phụng		08-10-1998	Bến Tre			60	60	
19	NV1112	Phạm Mai Bích	Ngọc		16-06-1990	Bến Tre			58	58	
20	NV1102	Trần Thị Kim	Cung		23-11-1989	Bến Tre			55	55	

NHNN CHI NHÁNH TỈNH CÀ MAU (02 Chỉ tiêu)

1	NV1138	Diệp Thiên	Kỳ	18-3-1999		Cà Mau			75	75	Trúng tuyển
2	NV1144	Hồ Kim	Ngân		09-11-1988	Cà Mau			72	72	Trúng tuyển
3	NV1157	Nguyễn Hoàng Phương	Vy		19-10-1999	Cà Mau			69	69	
4	NV1145	Lâm Bảo	Ngọc		20-3-2000	Cà Mau			68	68	
5	NV1137	Phù Quốc	Hiệp	22-6-1994		Cà Mau		5	62	67	
6	NV1148	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		25-4-1996	Cà Mau			66	66	
7	NV1156	Nguyễn Trí	Tuệ	14-8-1990		Cà Mau			66	66	
8	NV1153	Đinh Lê Thảo	Trinh		14-10-1997	Cà Mau			65	65	

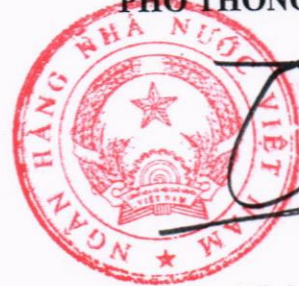
TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
9	NV1136	Võ Kiều	Diễm		24-8-1989	Cà Mau	Ths		65	65	
10	NV1147	Quách Khả	Như		11-11-1994	Cà Mau		5	59	64	
11	NV1139	Phan Nguyễn Phương	Lam		04-8-1998	Cà Mau			62	62	
12	NV1158	Trần Thị Bảo	Yến		28-8-1988	Cà Mau			60	60	
13	NV1140	Trương Hồng	Lam		25-11-1993	Cà Mau			58	58	
NHNN CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ (02 Chi tiêu)											
1	NV1168	Trịnh Thành	Luân	10-11-1989		Cần Thơ			78	78	Trúng tuyển
2	NV1170	Lê Thị Thu	Nga		05-12-1991	Cần Thơ	Ths		76	76	Trúng tuyển
3	NV1167	Dương Tú	Loan		17-11-1993	Cần Thơ	Ths		72	72	
4	NV1163	Bùi Quang	Huy	03-11-2000		Cần Thơ			70	70	
5	NV1183	Lê Ngọc	Thùy		16-10-1995	Cần Thơ			66	66	
6	NV1162	Đặng Hồng	Hạnh		26-06-1998	Cần Thơ			65	65	
7	NV1182	Nguyễn Thị Giang	Thanh		30-07-1994	Cần Thơ			65	65	
8	NV1169	Nguyễn Thị Kim	My		01-01-1991	Cần Thơ			64	64	
9	NV1175	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên		01-09-1995	Cần Thơ			64	64	
10	NV1187	Nguyễn Thành	Vương	29-10-1999		Cần Thơ			64	64	
11	NV1177	Phạm Thị Kiều	Nhi		10-10-1987	Cần Thơ	Ths		63	63	
12	NV1179	Phạm Thụy Bích	Nhiên		18-12-1989	Cần Thơ	Ths		63	63	
13	NV1164	Lê Hữu	Hưng	19-09-1988		Cần Thơ	Ths		61	61	
14	NV1184	Từ Nguyễn Anh	Thư		09-10-1989	Cần Thơ			61	61	
15	NV1159	Kiều Ngọc Thiên	Anh		29-12-1995	Cần Thơ			60	60	
16	NV1166	Võ Yến	Linh		15-03-1989	Cần Thơ			60	60	
17	NV1171	Huỳnh Kim	Nga		19-07-2000	Cần Thơ		5	55	60	
18	NV1178	Lâm Yến	Nhi		01-02-1995	Cần Thơ			60	60	
19	NV1176	Đỗ Thị Minh	Nguyệt		24-08-2000	Cần Thơ			59	59	
20	NV1160	Nguyễn Phương	Cánh	10-10-1989		Cần Thơ					Vắng
21	NV1161	Huỳnh Kiện	Đinh	17-02-1999		Cần Thơ					Vắng

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NHNN CHI NHÁNH TỈNH ĐỒNG THÁP (02 Chỉ tiêu)											
1	NV1193	Võ Hoàng	Lâm	25-01-1999		Đồng Tháp			78	78	Trúng tuyển
2	NV1194	Phạm Thanh	Lan		09-02-1993	Đồng Tháp			76	76	Trúng tuyển
3	NV1196	Lê Thị Cẩm	Loan		20-12-2000	Đồng Tháp			73	73	
4	NV1201	Ngô Minh	Thùy		10-09-1990	Đồng Tháp	Ths		71	71	
5	NV1200	Nguyễn Thiên	Thanh		17-12-1991	Đồng Tháp	Ths		70	70	
6	NV1190	Trần Thị	Hậu		16-12-1990	Đồng Tháp			68	68	
7	NV1202	Bùi Thị Thùy	Trang		28-04-1991	Đồng Tháp			67	67	
8	NV1192	Bùi Thị Ngọc	Huyền		07-03-1999	Đồng Tháp			65	65	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH HẬU GIANG (04 Chỉ tiêu)											
1	NV1205	Nguyễn Bảo	Anh	8-10-1993		Hậu Giang			75	75	Trúng tuyển
2	NV1226	Lý Phương	Uyên		23-10-1992	Hậu Giang		5	68	73	Trúng tuyển
3	NV1216	Trần Thị Hồng	Ngọc		28-3-2000	Hậu Giang			71	71	Trúng tuyển
4	NV1220	Phạm Lan	Thảo		29-5-2000	Hậu Giang			70	70	Trúng tuyển
5	NV1211	Trần Thị Diễm	Kiều		12-7-1993	Hậu Giang			68	68	
6	NV1212	Nguyễn Thúy	Kiều		5-1-1993	Hậu Giang			66	66	
7	NV1215	Võ Kim	Ngân		12-12-1993	Hậu Giang			64	64	
8	NV1207	Trần Thị Thu	Diễm		8-7-1989	Hậu Giang			61	61	
9	NV1210	Trần Phú	Khánh	9-9-1989		Hậu Giang	Ths		60	60	
10	NV1224	Trần Minh	Trung	8-3-1985		Hậu Giang			55	55	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH KIÊN GIANG (03 Chỉ tiêu)											
1	NV1251	Trần Huyền	Trang		14-10-1998	Kiên Giang		5	73	78	Trúng tuyển
2	NV1229	Phạm Thế	Anh	18-05-1985		Kiên Giang	Ths		71	71	Trúng tuyển
3	NV1246	Đỗ Thị Thanh	Tâm		23-10-1993	Kiên Giang			70	70	Trúng tuyển
4	NV1233	Nguyễn Thị Thùy	Dương		10-04-1994	Kiên Giang			69	69	
5	NV1237	Trần Ngọc	Hạnh		09-02-1984	Kiên Giang			67	67	
6	NV1239	Lưu Phương	Huyền		03-04-1993	Kiên Giang			66	66	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
7	NV1230	Lê Hồng	Anh		23-12-1984	Kiên Giang	Ths		65	65	
8	NV1243	Phan Trần Ánh	Minh		20-02-1994	Kiên Giang			65	65	
9	NV1244	Trần Thị Ngọc	Nhung		07-08-1987	Kiên Giang			63	63	
10	NV1234	Trần Bích	Giang		28-04-1990	Kiên Giang			62	62	
11	NV1232	Nguyễn Việt	Dũng	08-06-1988		Kiên Giang			61	61	
12	NV1253	Bùi Thị Thúy	Yên		25-06-1992	Kiên Giang			60	60	
13	NV1238	Lê Thị	Hiền		03-08-1998	Kiên Giang			58	58	
14	NV1228	Nguyễn Thị Thùy	An		12-08-1988	Kiên Giang			56	56	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH SÓC TRĂNG (04 Chỉ tiêu)											
1	NV1256	Hồ Thị Ngọc	Giào		22-02-1990	Sóc Trăng			76	76	Trúng tuyển
2	NV1268	Nguyễn Hoàng Mai	Nguyệt		19-4-2000	Sóc Trăng			75	75	Trúng tuyển
3	NV1259	Trương Châu Tấn	Khoa	30-9-1989		Sóc Trăng	Ths		73	73	Trúng tuyển
4	NV1277	Nguyễn Huỳnh Phương	Thảo		22-4-1989	Sóc Trăng			71	71	Trúng tuyển
5	NV1281	Nguyễn Lê Minh	Thư		21-10-1987	Sóc Trăng			70	70	
6	NV1270	Phan Trọng	Nghĩa	21-6-1999		Sóc Trăng			69	69	
7	NV1274	Lâm Sa Rây	Rot		29-9-1993	Sóc Trăng		5	64	69	
8	NV1269	Chung Triều	Nghi		12-10-2000	Sóc Trăng		5	63	68	
9	NV1273	Trần Đức Tổ	Quyên		12-02-1993	Sóc Trăng		5	63	68	
10	NV1271	Nguyễn Thanh	Phong	12-11-1986		Sóc Trăng			66	66	
11	NV1285	Đào Thị Tú	Trần		01-11-1991	Sóc Trăng			65	65	
12	NV1272	Lý Kim	Phượng		07-10-1986	Sóc Trăng	ThS		64	64	
13	NV1284	Võ Công	Trạng	05-8-1996		Sóc Trăng			63	63	
14	NV1262	Trần Tuyết	Nương		24-10-1991	Sóc Trăng	Ths		61	61	
15	NV1282	Đặng Thị Thanh	Thùy		19-10-1990	Sóc Trăng			61	61	
16	NV1283	Võ Thị Thùy	Trang		18-7-1989	Sóc Trăng	ThS	5	55	60	
17	NV1265	Lê Bảo	Ngọc		01-01-1990	Sóc Trăng			59	59	
18	NV1267	Dương Thị Kim	Ngọc		05-9-1993	Sóc Trăng	ThS	5	54	59	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
19	NV1258	Lê Thị Bích	Huyền		25-01-1991	Sóc Trăng			58	58	
20	NV1276	Phan Thị Thanh	Tuyền		28-01-1989	Sóc Trăng			57	57	
21	NV1266	Kha Như	Ngọc		6-11-1994	Sóc Trăng		5	51	56	
22	NV1254	Hứa Thị Thùy	Dung		29-12-1997	Sóc Trăng			55	55	
23	NV1255	Huỳnh Anh	Đài		21-11-1983	Sóc Trăng			55	55	
24	NV1279	Lê Thị Cẩm	Thi		15-4-1996	Sóc Trăng			55	55	
25	NV1260	Nguyễn Thị Duệ	Linh		15-8-1979	Sóc Trăng			53	53	
26	NV1287	Võ Huỳnh Thanh	Xuân		10-02-1998	Sóc Trăng					Vắng
NHNN CHI NHÁNH TỈNH VĨNH LONG (01 Chỉ tiêu)											
1	NV1288	Võ Minh	Dũng	21-09-1997		Vĩnh Long			73	73	Trúng tuyển
2	NV1297	Trần Huyền	Nhung		28-07-1994	Vĩnh Long			70	70	
3	NV1298	Phạm Văn	Thái	18-09-1986		Vĩnh Long			65	65	
4	NV1301	Huỳnh Ngọc	Trâm		30-08-2000	Vĩnh Long			65	65	
5	NV1300	Huỳnh Thiện	Tâm		12-10-1993	Vĩnh Long			50	50	

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú